TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HSST
Ngày: 09-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thị Tân Sang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh – Bí thư Đoàn thanh niên Phường 5, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên và bả Lê Thị Đông Nguyệt – Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phường 3, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Thư ký phiên tòa: ông Võ Đức Vũ Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Cao Tấn Tiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/5/2024, tại điểm cầu Trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Huỳnh Văn T, sinh năm 2005, tại Phú Yên; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Huỳnh Văn C, sinh năm 1981 và mẹ: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1984; Tiền án, tiền sự: không; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/12/2023. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Phan Duy T1, *tên gọi khác: Cu ba*, sinh ngày 04/3/2006, tại Phú Yên; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Phan Duy T2, sinh năm 1982 và mẹ: Võ Thị V, sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 17/02/2021, bị Công an xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo về hành vi Sử dụng các loại pháo mà không được phép; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1:* ông Phan Duy T2, sinh năm 1982 và bà Võ Thị V, sinh năm 1983 là cha mẹ ruột của bị cáo; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Ông T2 có mặt, bà V vắng mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo T1*: Bà Huỳnh Diệp Huyền T3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P. Có mặt.

**** Bị hại:***

1/ Anh Phạm Minh H, sinh năm 2007; Địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Phạm Tấn P là cha ruột của H làm đại diện; Địa chỉ: Thôn Q, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Ông Dương Minh D, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố E, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Ông Phạm Ngũ L1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu phố A, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn Đình T4, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố E, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5/ Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

6/ Ông Huỳnh Đức Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu phố D, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

7/ Ông Lê Duy P1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố D, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố B, Phường P, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Trần Trúc L2, sinh năm 2008; Địa chỉ: Khu phố A, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của L2: Ông Trần Đức T5 và bà Võ Thị T6 là cha mẹ của L2 làm đại diện; Địa chỉ: Khu phố A, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Huỳnh Văn C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3/ Phan Duy T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4/ Võ Thị T6, sinh năm 1985; Địa chỉ: Địa chỉ: Khu phố A, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5/ Phạm Thị Bạch T7, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố A, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6/ Lê Q, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố C, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7/ Vương Thế T8, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8/ Đặng Văn S, sinh năm 1967; Địa chỉ: A L, phường H, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

9/ Nguyễn Thị Kim T9, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

10/ Ngô Thị X, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

11/ Võ Văn T10, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1946; Địa chỉ: K, phường P, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 16/12/2023 đến ngày 27/12/2023, Huỳnh Văn T và Phan Duy T1 liên tục nhiều lần rủ nhau trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thành phố T huyện T và huyện T để bán lấy tiền làm nguồn sinh sống chính, cụ thể:

Vụ thứ 1: Ngày 16/12/2023, Huỳnh Văn T rủ Phan Duy T1 đi trộm cắp xe mô tô, T1 đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T lấy biển số xe 78M1-4218 của bà Võ Thị T6 gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen của ông Huỳnh Văn C (cha T) rồi điều khiển xe này chở T1 đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi đến trước nhà anh Phạm Minh H ở thôn Q, xã A, huyện T. T và T1 phát hiện xe mô tô nhãn hiệu LiFan màu đỏ đen biển số 78AH-022.30 của anh H dựng trong sân, chìa khóa xe gắn trên ổ khóa nhưng không có người trông coi. T dừng xe đứng cảnh giới, T1 vào lén dắt xe ra ngoài cùng T điều khiển đem về thành phố T, T và T1 thống nhất để xe 78AH- 022.30 cho T1 sử dụng hàng ngày.

Vụ thứ 2: Khoảng 13 giờ ngày 21/12/2023, Huỳnh Văn T, Phan Duy T1 và Trần Trúc L2 (sinh ngày 08/11/2008) cùng uống nước tại quán C1 thuộc phường P, thành phố T. Do không có tiền thanh toán tiền nước nên T rủ T1 và L2 trộm cắp tài sản để có tiền trả, T1 và L2 đồng ý. L2 ở lại quán chờ, còn T điều khiển xe mô tô gắn biển số 78M1-4218 chở T1 đi đến Quốc lộ A thuộc khu phố A, phường P, thành phố T, T1 nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu FAVOUR biển số 78N2-1043 của anh Dương Minh D dựng ở lề đường Quốc lộ 1A, chìa khóa xe gắn trên ổ khóa nhưng không có người trông coi, T1 dừng xe đứng cảnh giới, T đi đến lén lấy xe điều khiển đến quán C1. T dùng cờ lê tháo biển số 78N2-1043 cất giấu trong cốp xe mô tô gắn biển số 78M1-4218. T1 đem xe bán cho bà Võ Thị T6 ở khu phố A, phường P, thành phố T lấy 700.000 đồng, T, T1 và L2 cùng sử dụng số tiền này.

Vụ thứ 3: Ngày 23/12/2023, Huỳnh Văn T rủ Phan Duy T1 và Trần Trúc L2 đi trộm cắp xe mô tô, T1 và L2 đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T điều khiển xe gắn biển số 78M1-4218 chở L2 và T1 đi tìm tài sản trộm cắp, khi đi đến đường N thuộc khu phố E, phường P, thành phố T, T1 nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu JIULONG màu xanh biển số 78C1-149.15 của anh Phạm Ngũ L1 đang dựng trên lề đường không có người trông coi, T lén đi đến ngồi lên xe, T1 điều khiển xe gắn biển số 78M1-4218 chở L2 dùng chân đẩy xe 78C1-149.15 Thịnh điều khiển đi đến khu vực phía nam cầu H thì dừng lại, T dùng cờ lê tháo rời các bộ phận của xe 78C1-149.15. T1 điều khiển xe 78M1-4218 chở T đem đến điểm thu mua phế liệu của ông Lê Q ở khu phố E, phường P, thành phố T bán cho ông Q lấy 540.000 đồng, T, T1 và L2 cùng sử dụng số tiền này.

Vụ thứ 4: Sau khi lấy trộm xe 78C1-149.15 của anh L1, Huỳnh Văn T tiếp tục rủ T1 và L2 đi trộm cắp, T1 và L2 đồng ý. T điều khiển xe gắn biển số 78M1-4218 chở L2 và T1 đến xóm Đ thuộc khu phố E, phường P, thành phố T, T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen biển số 78F1-207.64 của anh Nguyễn Đình T4 dựng trên đường, chìa khóa xe gắn trên ổ khóa nhưng không có người trông coi, T dừng xe đứng cảnh giới, T1 đến lén lấy xe nổ máy điều khiển chạy đi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T1 tháo bỏ biển số 78F1-207.64 rồi điều khiển chở L2 đi đến gần vòng xuyến H-Nguyễn Hữu T11 thuộc Phường I, thành phố T thì bị Tổ tuần tra giao thông Công an thành phố T kiểm tra, lập biên bản tạm giữ xe mô tô Yamaha Exciter.

Vụ thứ 5: Ngày 25/12/2023, Huỳnh Văn T rủ Phan Duy T1 và Trần Trúc L2 đi trộm cắp xe mô tô, T1 và L2 đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe gắn biển số 78M1-4218 chở T và L2 đi đến đoạn đường bê tông gần chợ H3 thuộc thôn H, xã H, huyện T, T nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen đỏ biển số 78F1-053.49 của chị Lê Thị Kim Y đang dựng xe ở lề đường có chìa khóa xe gắn trên ổ khóa, T bảo T1 dừng lại chờ sơ hở để lấy trộm. Trong lúc chờ thì L2 và T cãi nhau nên L2 bỏ về trước. Quan sát thấy không có người trông coi nên T lén đến bật chìa khóa nổ máy xe chạy đi, T1 điều khiển xe 78M1-4218 chạy theo cùng đem về khu vực phía Nam cầu H cất giấu. T1 đăng tải bài viết bán xe 78F1-053.49 lên mạng xã hội Facebook thì có một người ở Vũng Tàu không xác định lai lịch mua với giá 2.000.000 đồng, T1 và T chia nhau sử dụng số tiền này.

Vụ thứ 6: Khoảng 09 giờ ngày 26/12/2023, Phan Duy T1 điều khiển xe mô tô gắn biển số 78AH-022.30 chở Trần Trúc L2; Huỳnh Văn T điều khiển xe 78M1-4218 chở Trần Bảo T12 (sinh năm 2010) đi dạo trên đường T, thuộc khu phố E, phường P, thành phố T. Lúc này, T1 và T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Majesty màu nâu biển số 78F5-1373 của anh Huỳnh Đức Đ dựng sát lề đường nhưng không có người trông coi. T1 rủ T lấy trộm xe, T đồng ý. T và T1 nói L2 điều khiển xe 78M1-4218 chở T12 về trước. T1 đứng cảnh giới, T lén vào nối dây bình, đạp nổ máy lấy trộm xe 78F5-1373 điều khiển đem về nhà của L2. T dùng cờ lê tháo rời các phụ tùng của xe 78F5-1373, rồi cùng T1 điều khiển xe 78M1-4218 chở đến điểm thu mua phế liệu của bà Phạm Thị Bạch T7 và điểm thu mua phế liệu ông Lê Quang b 720.000 đồng, T, T1 cùng sử dụng số tiền này.

Vụ thứ 7: Ngày 27/12/2023, Phan Duy T1 rủ Huỳnh Văn T đi trộm cắp xe mô tô, T đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe gắn biển số 78M1-4218 chở T1 đi đến gần cửa hàng X1 thuộc khu phố B, phường P, thành phố T, phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Majesty màu nâu biển số 78F5-3961 của anh Lê Duy P1 dựng sát lề đường, chìa khóa xe còn gắn trên ổ khóa nhưng không có người trông coi. T1 đứng cảnh giới, T lén lấy xe điều khiển đi đến quán C1. T dùng cờ lê tháo biển số xe 78F5-3961 vứt bỏ tại quán, rồi đem xe bán cho bà Võ Thị T6 với giá 550.000 đồng, T, T1 cùng sử dụng số tiền này.

Vụ thứ 8: Khoảng 22 giờ ngày 27/12/2023, sau khi lấy trộm xe 78F5-3961 của anh Lê Duy P1 tại thành phố T, Huỳnh Văn T tiếp tục rủ Phan Duy T1 và Trần Trúc L2 đi trộm cắp tài sản. T1 và L2 đồng ý. T1 điều khiển xe 78AH-022.30, T điều khiển xe gắn biển số 78M1-4218 chở L2 đi đến gần Trung tâm Y tế huyện T, phát hiện thấy 01 máy trộn bê tông có gắn động cơ máy nổ nhãn hiệu loại Kansai Diesel D6 của chị Nguyễn Thị Thu H1 đang để sát lề đường nhưng không có người trông coi. T1 và L2 đứng cảnh giới, T lén dùng mỏ lết tháo lấy trộm động cơ máy nổ Kansai Diesel D6 rồi đem đến khu vực cầu H cất giấu. Đến ngày 28/12/2023, T1 và T đem đến một điểm thu mua phế liệu trên đường N thuộc khu phố A, phường P, thành phố T bán (không rõ người mua) lấy 520.000 đồng, T, T1 và L2 cùng sử dụng số tiền này.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2023 Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen biển số 78F1-207.64 trị giá 15.250.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Majesty màu nâu biển số 78F5-1373 trị giá 2.250.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Majesty màu nâu biển số 78F5-3961 trị giá 2.250.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 23/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu FAVOUR màu nâu biển số 78N2-1043 trị giá 2.050.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu JIULONG màu xanh biển số 78C1-149.15 trị giá 1.750.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 22/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen đỏ biển số 78F1-053.49 trị giá 7.300.000 đồng;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 23/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 động cơ máy nổ Diesel D6, nhãn hiệu Kansai trị giá 1.750.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu LiFan màu đỏ đen biển số 78AH-022.30 trị giá 6.500.000 đồng.

- Về dân sự: các bị hại đã nhận được tài sản và không yêu gì thêm.

Bản cáo trạng số 55/CT-VKSTH ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Duy T13 về tội "trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Duy T13 phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Riêng đối với bị cáo T áp dụng thêm điển o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo T13 được áp dụng thêm Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: bị cáo T với mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng, thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2023; bị cáo T13 với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã kê khai theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T; Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và không trình bày tranh luận gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Duy T1 trình bày: Thống nhất với quan điểm luận tội và điều luật áp dụng của Viện kiểm sát, tuy nhiên cần xem xét bị cáo T1 là người chưa thành niên nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị bị cáo T rủ rê, lôi kéo nên xảy ra sự việc nêu trên. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T1 đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, đã bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo T1 với mức án thấp hơn mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt. Về trách nhiệm dân sự, bị

hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố, thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa nên không trình bày tranh luận bổ sung gì thêm.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1 trình bày: Tuân còn nhỏ, suy nghĩ còn hạn chế, do ham chơi và bị bạn bè rủ rê trộm cắp nên xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho T1. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình và bị cáo T1 đã bồi thường cho bị hại nên tôi không có ý kiến và yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường cho bị hại.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt bà T7, ông Q, ông T8, ông S, bà X, ông T10 và người làm chứng ông N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Trúc L2 và người đại diện hợp pháp của L2 thống nhất cùng trình bày: Bản thân L2 còn nhỏ, ham chơi bị bạn bè rủ rê nên có biết và có tham gia trộm cắp tài sản cùng với T và T1 nhưng không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và bán tài sản trộm cắp có được. Sau sự việc xảy ra bản thân rất ăn năn hối cãi và cố gắng tu sửa bản thân để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T6 trình bày: Tôi có mua phế liệu là tài sản do T và T1 bán nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Tôi không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C trình bày: Tôi không biết việc con tôi là bị cáo T lấy xe của tôi để đi trộm cắp tài sản. Sau sự việc xảy ra, T đã tác động với gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tôi thống nhất về số tiền đã bồi thường cho bị hại, không có ý kiến và yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường cho bị hại. Tôi xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo T và bị cáo T1 nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Công an huyện T, Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn T và Phan Duy T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ

sở xác định: Trong thời gian từ ngày 16/12/2023 đến ngày 27/12/2023, trên địa bàn thành phố T, huyện T, huyện T, tỉnh Phú Yên, Huỳnh Văn T và Phan Duy T1 không có nghề nghiệp, đã có hành vi lén lút thực hiện liên tục 08 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 07 xe mô tô và 01 động cơ máy nổ của các bị hại Phạm Minh H, Dương Minh D, Phạm Ngũ L1, Nguyễn Đình T4, Huỳnh Đức Đ, Lê Duy P1, Lê Thị Kim Y, Nguyễn Thị Thu H1 lấy đó làm nguồn sống chính, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 39.100.000 đồng. Trần Trúc L2 đã cùng T và T1 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp với giá trị tài sản chiếm đoạt 26.050.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo T, T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì không có tiền tiêu xài cho cá nhân nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được người bị hại Lê Thị Kim Y, Nguyễn Thị Thu H2, Huỳnh Đức Đ xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T1, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T1 là người chưa thành niên 17 tuổi 09 tháng 12 ngày nên cần áp dụng thêm Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Bị cáo T có nhân thân tốt. Do đó, khi lượng hình cần phải xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét tính chất, vai trò tham gia của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, tổ chức rõ ràng. Bị cáo T là người chủ mưu, khởi xướng, chuẩn bị phương tiện, công cụ, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bán tài sản trộm cắp được. Bị cáo T là người rủ rê, xúi giục bị cáo T1 người dưới 18 tuổi phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét tính chất tham gia và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cao hơn bị cáo T1 nên mức hình phạt sẽ cao hơn bị cáo T1.

Đối với bị cáo T1: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên, đang ở độ tuổi ăn học và bị cáo có nhân thân xấu, bị Công an xã H, huyện T xử phạt vi phạm hành chính xử phạt vi phạm hành chính, lẻ ra bị cáo phải

lấy đó làm bài học cho bản thân mà do đua đòi ăn chơi nên khi nghe T rủ đi trộm cắp tài sản thì T1 đồng ý. Bị cáo cùng với T nhiều lần lấy trộm tài sản của người khác và bán lấy chia nhau tiêu xài. Xét tính chất tham gia và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là thấp hơn so với bị cáo T nên mức hình phạt sẽ thấp hơn bị cáo T.

Xét lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo T1, cơ bản là thống nhất các điều khoản áp dụng như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và đề nghị áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS để xử bị cáo dưới mức khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Xét thấy, bị cáo T1 là người có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, lấy đó làm nguồn sống chính cho bản thân, hành vi phạm tội của bị cáo là mang tính chất chuyên nghiệp, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới mức khung hình phạt cho bị cáo T1.

Xét mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, đã được bồi thường nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét thấy các vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 23/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, xét đây là công cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với Trần Trúc L2 tham gia cùng T và T1 thực hiện 04 vụ trộm cắp với giá trị tài sản chiếm đoạt 26.050.000 đồng, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên, L2 được 15 tuổi 01 tháng 13 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là có cơ sở nên HĐXX không xem xét.

* Đối với bà Võ Thị T6, Phạm Thị Bạch T7 và ông Lê Q mua tài sản do T và T1 đem bán, tuy nhiên khi mua không biết rõ tài sản do phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm là có cơ sở nên HĐXX không xem xét.

* Đối với người đã liên hệ qua mạng xã hội Facebook mua xe Yamaha Sirius màu đen đỏ biển số 78F1- 053.49 do T1 và T bán, do không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có cơ sở để xem xét, xử lý nên HĐXX không xem xét.

* Ngoài ra trong quá trình điều tra, Huỳnh Văn T và Phan Duy T1 còn khai nhận lấy trộm 01 xe mô tô kiểu dáng Wave màu xanh (không rõ biển số) vào ngày 23/12/2023 tại khu vực Ủy ban nhân dân xã H, huyện T và 01 xe mô tô kiểu dáng Dream màu nâu (không nhớ biển số) vào ngày 27/12/2023 tại khu vực vòng xuyến phường P, thành phố T, nhưng vật chứng không thu giữ được và không xác định được người bị hại, ngoài lời khai của các bị cáo không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên không có cơ sở để xử lý nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Duy T13 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T 03 *(ba)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/12/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Phan Duy T1 02 *(hai)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, đã được bồi thường và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm 01 *(một)* cái bánh xích bằng kim loại; 01 *(một)* cuộn băng keo điện màu đen; 01 *(một)* cái tua vít có cán màu đỏ; 01 *(một)* cái tua vít có cán trong suốt; 01 *(một)* cái kìm, 01 (*một)* cái mỏ lếch; 01 *(một)* cái cờ lê đầu 10-10; 01 *(một)* cái cờ lê đấu 12-12; 01 *(một)* ống nhựa màu xanh; 01 *(một)* cái lục giác dài 16cm; 01 *(một)* cái lục giác dài 12.2cm; 01 *(một)* cái bu long dài 03cm, đường kính 0,6cm; 02 *(hai)* cái bu long dài 2.4cm, đường kính 0.6cm; 01 *(một)* cái bu long dài 2.3cm, đường kính 0.5cm; 01 *(một)* cái bu long dài 2.7, đường kính 0.5cm; 01 *(một)* cái bu long lục giác dài 3,3cm, đường kính 0,3cm; 02 *(hai)* cái ốc dài 02cm, đường kính 0.5cm; 04 *(bốn)* cái ốc lục giác dài 1.7cm, đường kính 0.4cm; 01 *(một)* cái ốc dài 1.6cm, đường kính 0.3cm; 01 *(một)* cờ lê có 01 *(một)* đầu số 0 và 01 đầu số 14; biển số 78F1-053.49.

Tất cả các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Huỳnh Văn T, Phan Duy T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Công an Tp. T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tân Sang

Bản thân các bị cáo là người không có nghề nghiệp, bỏ nhà đi sống lang thang, vì không có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và lấy đó là nguồn sống chính cho bản thân, cụ thể: Ngày 16/12/2023 T, T1 lấy trộm 01 chiếc xe biển số 78AH-022.30 của Phạm Minh H trị giá 6.500.000 đồng; Ngày 21/12/2023 T, T1 và L2 lấy trộm 01 chiếc xe biển số 78N2-1043 của Dương Minh D trị giá 2.050.000 đồng; Ngày 23/12/2023 Tuân, L2 lấy trộm 01 chiếc xe biển số 78C1-149.15 của Phạm Ngũ L1 trị giá 1.750.000 đồng và chiếc xe biển số 78F1-207.64 của Nguyễn Đình T4 trị giá 15.250.000 đồng; Ngày 25/12/2023 T, T1, L2 lấy trộm 01 chiếc xe biển số 78F1-053.49 của Lê Thị Kim Y trị giá 7.300.000 đồng; Ngày 26/12/2023 T, T1 lấy trộm 01 chiếc xe biển số 78F5-1373 trị giá 2.250.000 đồng; Ngày 27/12/2023 T, T1 lấy trộm 01 chiếc xe biển số 78F5-3961 của Lê Duy P1 trị giá 2.250.000 đồng; và cùng ngày 27/12/2023 T, T1, L2 lấy trộm 01 động cơ máy nổ của nhãn hiệu Kansai Diesel D6 của Nguyễn Thị Thu H1 trị giá 1.7500.000 đồng; Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 39.100.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.